

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 140/2021/HNGĐ-ST

Ngày 04-8-2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đức Khoa

Ông Hoàng Đức Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 250/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2021 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 115/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 1, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Xóm G, xã D, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Anh Hoàng Phú H; địa chỉ: Thôn 1, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 18 tháng 6 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị Nguyễn Thị T kết hôn với anh Hoàng Phú H trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kiên Bái, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng vào ngày 04 tháng 10 năm 2005. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn dẫn đến việc ly hôn theo Bản án số 424/2013/HNGĐ-ST ngày 30/10/2013 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên. Sau khi ly hôn, đến năm 2015 chị T lại quay về chung sống với anh H và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kiên Bái, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng vào ngày 09 tháng 01 năm 2017. Chị và anh H chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2019 lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, cuộc sống chung không thống nhất, thường xảy ra cãi vã lẫn nhau. Do mâu thuẫn năm 2020 chị và anh H đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng vì các con nên chị đã rút yêu cầu. Tuy nhiên, cuộc sống chung vợ chồng giữa chị và anh H không được cải thiện mà ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, anh H còn chửi bới xúc phạm chị. Do mâu thuẫn chị và anh H đã sống ly thân nhau từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hoàng Phú H. Chị và anh H có 02 con chung tên Hoàng Thị Mai Lan, sinh ngày 27 tháng 7 năm 2008 và Hoàng Phú An, sinh ngày 04 tháng 01 năm 2017. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi con chung tên Hoàng Thị Mai Lan, đồng ý để anh H trực tiếp nuôi con chung tên Hoàng Phú An. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị và anh H tự thỏa thuận giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị và anh H không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hoàng Phú H có nơi cư trú tại xã Kiên Bái, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Quá trình giải quyết vụ án anh Hoàng Phú H không hợp tác, cố tình trốn tránh. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng khác cho anh H nhưng đến ngày mở phiên tòa lần thứ hai anh Hoàng Phú H vẫn vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, anh Hoàng Phú H có bản tự khai thể hiện: Anh H thừa nhận lời khai của chị Nguyễn Thị T về thời gian, điều kiện, hình thức kết hôn là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn anh H cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống nên xảy ra cãi vã lẫn nhau. Do mâu thuẫn anh và chị T đã sống ly thân nhau từ lâu. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn chị Nguyễn Thị T. Anh và chị T có 02 con chung tên Hoàng Thị Mai Lan, sinh ngày 27 tháng 7 năm 2008 và Hoàng Phú An, sinh ngày 04 tháng 01 năm 2017. Khi ly hôn anh H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung tên Hoàng Phú An, đồng ý để chị T trực tiếp nuôi con chung tên Hoàng Thị Mai Lan. Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu

Tòa án giải quyết. Anh và chị Nguyễn Thị T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Phú H. Giao con chung Hoàng Thị Mai Lan, sinh ngày 27 tháng 7 năm 2008 cho chị Nguyễn Thị T; giao con chung Hoàng Phú An, sinh ngày 04 tháng 01 năm 2017 cho anh Hoàng Phú H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung do các đương sự không yêu cầu nên Kiểm sát viên không đề cập giải quyết. Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập gồm: Giấy chứng nhận kết hôn, bản sao sổ hộ khẩu, bản sao giấy chứng minh nhân dân, bản sao giấy khai sinh của con; Bản tự khai; Biên bản lấy lời khai; Đơn đề nghị; Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Kiên Bái, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn là anh Hoàng Phú H đang cư trú tại xã Kiên Bái, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Hoàng Phú H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Hoàng Phú H.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Phú H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kiên Bái, huyện Thủy

Nguyên, thành phố Hải Phòng vào ngày 09 tháng 01 năm 2017 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, cuộc sống chung không thống nhất nên thường xảy ra cãi vã lẫn nhau. Do mâu thuẫn chị T, anh H đã sống ly thân nhau từ năm 2019 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị T xin ly hôn, anh H cũng đồng ý. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án anh Hoàng Phú H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do, thể hiện anh H không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị T và không mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Điều này thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Phú H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Hoàng Phú H.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Phú H có 02 con chung là Hoàng Thị Mai Lan, sinh ngày 27 tháng 7 năm 2008 và Hoàng Phú An, sinh ngày 04 tháng 01 năm 2017. Khi ly hôn chị T xin được trực tiếp nuôi con chung tên Hoàng Thị Mai Lan, để anh H trực tiếp nuôi con chung tên Hoàng Phú An. Xét con chung Hoàng Thị Mai Lan hiện đang ăn ở ổn định với chị T, con chung tên Hoàng Phú An đang ăn ở ổn định với anh H và vẫn đảm bảo tốt về mọi mặt, cháu Hoàng Thị Mai Lan có nguyện vọng ở với mẹ, anh Hoàng Phú H cũng đồng ý giữ nguyên tình trạng nuôi con như hiện nay nên căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung tên Hoàng Thị Mai Lan cho chị Nguyễn Thị T, giao con chung tên Hoàng Phú An cho anh Hoàng Phú H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Phú H tự thỏa thuận giao nhận với nhau, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Phú H không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Phú H.
2. Về con chung: Giao con chung tên Hoàng Thị Mai Lan, sinh ngày 27 tháng 7 năm 2008 cho chị Nguyễn Thị T; giao con chung tên Hoàng Phú An, sinh ngày 04 tháng 01 năm 2017 cho anh Hoàng Phú H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Phú H tự thỏa thuận giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Phú H không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015958 ngày 21 tháng 6 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Hoàng Phú H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên (Giấy chứng nhận kết hôn số 06 ngày 09/01/2017);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hà

